

THỦ TƯỚNG CHÍNH  
PHỦ  
Số: 65/1998/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 1998

## QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Về việc xuất khẩu sản phẩm gỗ, lâm sản và nhập khẩu nguyên liệu gỗ, lâm sản

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 19 tháng 8 năm 1991;

Xét đề nghị của các địa phương, đơn vị, cơ sở sản xuất sau khi ban hành Quyết định số 1124/1997/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 1997;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Thương mại, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Trong Quyết định này, các từ ngữ sau đây được hiểu và quy định như sau:

- Sản phẩm gỗ hoàn chỉnh: là các sản phẩm gỗ được sản xuất bằng các quy trình công nghệ, có giá trị sử dụng rõ ràng và sử dụng được ngay cho tiêu dùng, không thể sử dụng làm nguyên liệu để chế biến tiếp thành các sản phẩm khác.
- Chi tiết sản phẩm là những bộ phận cấu thành sản phẩm hoàn chỉnh.
- Sản phẩm gỗ mỹ nghệ: là các sản phẩm gỗ hoàn chỉnh được sản xuất bằng phương pháp thủ công hoặc máy, hoặc thủ công kết hợp máy; được hoàn thiện bằng các công nghệ đục, chạm,

trổ, khắc, khảm, tiện, trang trí bề mặt như sơn mài, mạ vàng, sơn bóng các loại.

4. Ván nhân tạo các loại: là ván dán, ván ép, ván dăm, ván sợi, ván ghép, có phủ bề mặt hoặc không phủ bề mặt, có trang trí bề mặt hoặc không trang trí bề mặt.

5. Gỗ nhóm I.A, nhóm II.A: là các chủng loại gỗ quý hiếm từ rừng tự nhiên thuộc nhóm I.A và II.A trong danh mục thực vật ban hành kèm theo Nghị định số 18/HĐBT ngày 17 tháng 1 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

6. Gỗ các nhóm từ 1 đến 8: là các chủng loại gỗ rừng tự nhiên được phân loại theo chất lượng gỗ, danh mục phân loại do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

7. Gỗ rừng trồng: là các chủng loại gỗ khai thác từ rừng trồng thuộc các nguồn vốn khác nhau, bao gồm cả gỗ cao su thanh lý, gỗ vườn và gỗ cây trồng phân tán.

8. Gỗ nguyên liệu nhập khẩu: là gỗ nhập khẩu dưới dạng gỗ tròn, gỗ xẻ, ván nhân tạo các loại, gỗ tận dụng từ bao bì nhập khẩu.

9. Nguồn gỗ hợp pháp: là các nguồn gỗ nhập khẩu và nguồn gỗ trong nước được cấp có thẩm quyền cho phép nhập khẩu và cho phép khai thác, sử dụng.

**Điều 2.** Sản phẩm gỗ được phép xuất khẩu từ các nguồn gỗ hợp pháp:

1. Sản phẩm gỗ mỹ nghệ được chế biến từ gỗ rừng tự nhiên (trừ các loại gỗ thuộc nhóm I.A), các loại gỗ nhập khẩu và gỗ rừng trồng, bao gồm các loại sau đây:

1.1. Các sản phẩm sơn mài.

1.2. Các loại tượng bằng gỗ, các sản phẩm bằng gốc, rễ cây.

1.3. Các loại tranh gỗ: tranh chạm khắc, tranh khảm trai, tranh ghép gỗ, lều gỗ.

1.4. Các sản phẩm trang trí, lưu niệm, quảng cáo như: cốc, chén, đĩa, khay, thìa (muỗng), quạt, lọ, bình, cung kiếm, đế lọ, đèn, guốc, bài vị, thảm hạt, chuỗi hạt, hộp các loại, huy hiệu, biểu tượng, biểu trưng, khung tranh, khung ảnh, phào mỹ nghệ, thuyền buồm mỹ nghệ các loại, màn hình trang trí, giá đỡ hàng mỹ nghệ.

1.5. Nhạc cụ, đồ chơi trẻ em, vợt cầu lông, vợt te nít (tennis), vợt bóng bàn, gậy chơi bi-da (bilards), gậy chẵn cừu, ót giấy (cái đón gót) chân tay giả, dù cán gỗ, cán dù, chổi cán gỗ, cán chổi sơn.

1.6. Bàn ghế, giường tủ các loại, đôn kỷ, án thư, bàn trà, tủ chè, tủ chùa, tủ đồng hồ, tủ gương, bàn thờ, tủ cao cấp, hòm (áo quan) cao cấp. Tất cả các sản phẩm này đều phải có đục, chạm,

trở, khắc, khảm sơn mài hoặc có kết hợp các công đoạn gia công này.

- 1.7. Các sản phẩm gỗ mỹ nghệ có kết hợp với song, mây, tre, trúc, vật liệu khác.
2. Các sản phẩm hoàn chỉnh được sản xuất bằng ván nhân tạo từ mọi nguồn gốc.
3. Các sản phẩm gỗ hoàn chỉnh được sản xuất từ gỗ rừng trồng và gỗ nhập khẩu.
4. Các chi tiết sản phẩm được sản xuất từ gỗ nhập khẩu và gỗ rừng trồng.
5. Sản phẩm bao bì được sản xuất từ gỗ rừng trồng và gỗ nhập khẩu.
6. Gỗ xẻ và bán thành phẩm được sản xuất từ gỗ rừng trồng và gỗ nhập khẩu.
7. Các sản phẩm song, mây, tre, trúc, vật liệu khác kết hợp với gỗ rừng trồng, gỗ nhập khẩu và gỗ rừng tự nhiên trong nước từ nhóm 3 đến nhóm 8.
8. Dăm gỗ (dăm mảnh), gỗ lạng, ván nhân tạo, gỗ ghép thanh (ván ghép, thanh ghép) sản xuất từ gỗ rừng trồng và gỗ nhập khẩu.
9. Ngoài các sản phẩm được phép xuất khẩu đã quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 nêu trên nếu có những sản phẩm mới phát sinh, các doanh nghiệp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Các sản phẩm xuất khẩu trên được phép tháo rời khi xuất khẩu.

**Điều 3.** Các loại sản phẩm lâm sản khác: Tất cả các lâm sản khác đều được phép chế biến xuất khẩu, trừ các loại lâm sản thuộc nhóm I.A quy định tại Nghị định số 18/HĐBT ngày 17 tháng 1 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

**Điều 4.** Việc xuất khẩu sản phẩm gỗ của Xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải thực hiện theo đúng quy định của giấy phép đầu tư đã cấp, và được phép sử dụng gỗ rừng trồng như quy định tại mục 2, Điều 5 để sản xuất các sản phẩm xuất khẩu.

**Điều 5.** Các quy định về quản lý gỗ nguyên liệu, lâm sản để sản xuất sản phẩm xuất khẩu:

#### **1. Gỗ rừng tự nhiên:**

1.1. Gỗ rừng tự nhiên trong nước chỉ được phép sử dụng để sản xuất sản phẩm gỗ mỹ nghệ xuất khẩu theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 2 và các sản phẩm quy định tại khoản 7, Điều 2 của Quyết định này.

1.2.. Hàng năm, căn cứ chỉ tiêu kế hoạch khai thác gỗ rừng tự nhiên do Thủ tướng Chính phủ giao, sau khi cân đối nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước, năng lực chế biến sản phẩm